TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **52**/2018/DS-ST
Ngày: 23/10/2018
V/v T/C Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xươnne.

2. Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Chánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thanh Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/10/2018, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2018/TLST-DS ngày 07/5/2018 về việc "Tranh chấp Hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2018/QĐXXST-DS ngày 03/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Số 228/3, Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn H (Huỳnh Văn D)**, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số 237/3, Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1987 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 228/3, Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Bà **Nguyễn Thị Lệ H1**, sinh năm 1961 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Q, xã H, Thị xã N, tỉnh Hậu Giang (hiện chưa có số nhà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau: Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Ông Huỳnh Văn H là đầu thảo, bà A là hụi viên tham gia hụi của ông H, đến khi bà H1ốt hụi thì ông H không giao tiền cho bà, cụ thể ở các dây hụi sau đây:

- Dây 1: Hụi tháng 1.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 25/02/2016, có 22 phần, bà A tham gia 01 phần, đóng hụi sống được 12 lần, khui lần thứ 13 ngày 25/02/2017, bà A bắt thăm ra số tiền 600.000 đồng, hốt được số tiền 15.600.000 đồng, sau khi trừ đầu thảo 500.000 đồng, còn lại 15.100.000 đồng, nhưng ông H không giao tiền cho bà. Từ đó bà không đóng 09 lần hụi chết cho ông H. Nay bà trừ 09 lần hụi chết tương đương số tiền 9.000.000 đồng, ông H còn thiếu lại bà số tiền là 6.100.000 đồng.

- Dây 2: Hụi tháng 500.000 đồng, khui lần đầu ngày 20/02/2016 âl, có 22 phần, bà A tham gia 03 phần:

+ Phần 1: Bà A đóng hụi sống 08 lần, ngày 20/9/2016 âl, khui lần thứ 09 bà A bắt thăm ra số tiền 250.000 đồng, hốt được số tiền 6.750.000 đồng, sau khi trừ đầu thảo 250.000 đồng, còn lại 6.500.000 đồng, nhưng ông H không giao tiền cho bà. Từ đó bà không đóng 10 lần hụi chết cho ông H. Nay bà trừ 10 lần hụi chết tương đương số tiền 5.000.000 đồng, ông H còn thiếu lại bà số tiền là 1.500.000 đồng.

+ Phần 2: Bà A đóng hụi sống 10 lần, ngày 20/11/2016 âl, khui lần thứ 11 bà A bắt thăm ra số tiền 300.000 đồng, hốt được số tiền 6.800.000 đồng, sau khi trừ đầu thảo 250.000 đồng, còn lại 6.550.000 đồng, nhưng ông H không giao tiền cho bà. Từ đó bà không đóng 08 lần hụi chết cho ông H. Nay bà trừ 08 lần hụi chết tương đương số tiền 4.000.000 đồng, ông H còn thiếu lại bà số tiền là 2.550.000 đồng.

+ Phần 3: Bà A đóng hụi sống 10 lần được số tiền 5.000.000 đồng, ngày 20/11/2016 âl, khui lần thứ 11, ông H không giao tiền cho bà nên bà không đóng hụi tiếp cho ông H. Nay bà yêu cầu ông H trả lại cho bà số tiền là 5.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi (04 phần) ông H thiếu bà số tiền là 15.155.000 đồng.

Ngoài ra bà còn tham gia 02 dây hụi của ông H, cụ thể:

Dây 1: Hụi tháng 1.000.000 đồng, khui ngày 10/4/2015 âl, có 23 phần, bà A tham gia 01 phần, ngày 10/10/2016 âl, bà A hốt hụi, còn nợ lại ông H 03 lần hụi chết tương đương với số tiền 3.000.000 đồng. Hụi mãn ngày 20/3/2017 âl.

Dây 2: Hụi tháng 500.000 đồng, khui ngày 06/4/2015 âl, có 24 phần, bà A tham gia 01 phần, còn nợ lại H 05 lần hụi chết tương đương với số tiền 2.500.000 đồng. Hụi mãn ngày 10/3/2017 âl.

Tổng cộng 02 dây hụi trên, bà A còn nợ ông H số tiền là 5.500.000 đồng. Bà A khấu trừ phần hụi tháng 1.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 25/02/2016, có 22 phần, ông H thiếu lại bà số tiền là 6.100.000 đồng. Như vậy dây hụi này ông H còn thiếu bà số tiền 600.000 đồng.

- Hụi tháng 500.000 đồng khui lần đầu ngày 20/02/2016 âl, có 22 phần, bà A tham gia 03 phần: Ông H còn nợ bà A số tiền như sau:

+ Phần 1: Ông H còn nợ số tiền 1.500.000 đồng;

+ Phần 2: Ông H còn nợ số tiền 2.550.000 đồng;

+ Phần 3: Ông H còn nợ số tiền 5.000.000 đồng.

Tổng cộng ở 02 dây hụi, sau khi khấu trừ thì ông H còn nợ bà A số tiền: 9.655.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Huỳnh Văn H trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 9.655.000 đồng.

Ngày 07/6/2018, bà A có đơn khởi kiện bổ sung. Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/6/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà A cho rằng do bà không biết trong số những dây hụi bà đã nêu trong đơn khởi kiện có một số đã được giải quyết bằng một bản án khác của Tòa án huyện Kế Sách, bà A xin rút lại một số yêu cầu. Nay bà chỉ yêu cầu ông Huỳnh Văn H trả cho bà số tiền hụi ông H còn nợ bà, cụ thể:

Hụi tháng 500.000 đồng, khui lần đầu ngày 20/02/2016 âl, có 22 phần, bà A tham gia 03 phần:

+ Phần 1: Bà A đóng hụi sống 08 lần, ngày 20/9/2016 âl, khui lần thứ 09 bà bắt thăm ra số tiền 250.000 đồng, hốt được số tiền 6.750.000 đồng (đã trừ số tiền phần hụi thứ 2 và 3 còn sống mà bà phải đóng cho phần 1), sau khi trừ đầu thảo 250.000 đồng, còn lại 6.500.000 đồng, nhưng ông H không giao tiền cho bà.

+ Phần 2: Bà A đóng hụi sống 10 lần, ngày 20/11/2016 âl, khui lần thứ 11 bà A bắt thăm ra số tiền 300.000 đồng, bà A hốt được số tiền 6.500.000 đồng (đã trừ số tiền hụi phần 1 và phần 3 phải đóng cho phần 2), sau khi trừ đầu thảo 250.000 đồng, còn lại 6.250.000 đồng, nhưng ông H không giao tiền hụi cho bà.

+ Phần 3: Trong danh sách hụi ghi tên hụi viên là "L con dì 5 A" nhưng thực tế L chưa từng tham gia giao dịch hụi, ban đầu là do bà Nguyễn Thị Lệ H1 tham gia phần hụi này, bà H1 đứng ra đóng hụi cho ông H 10 lần hụi sống thì sang hụi cho bà phần hụi này. Nay bà A, bà H1, ông H, ông L đều thừa nhận phần hụi này do bà A chịu trách nhiệm, có quyền và nghĩa vụ đối với phần hụi này. Số tiền 10 lần hụi sống đóng vào cụ thể như sau:

Tháng 02/2016 âl, kêu giá 200.000 đóng, đóng 300.000 đồng.

Tháng 3/2016 âl, kêu giá 180.000 đóng, đóng 320.000 đồng.

Tháng 4/2016 âl, kêu giá 160.000 đóng, đóng 340.000 đồng.

Tháng 5/2016 âl, kêu giá 150.000 đóng, đóng 350.000 đồng.

Tháng 6/2016 âl, kêu giá 150.000 đóng, đóng 350.000 đồng.

Tháng 7/2016 âl, kêu giá 130.000 đóng, đóng 370.000 đồng.

Tháng 8/2016 âl, kêu giá 170.000 đóng, đóng 330.000 đồng.

Tháng 9/2016 âl, kêu giá 250.000 đóng, đóng 250.000 đồng.

Tháng 10/2016 âl, kêu giá 250.000 đóng, đóng 250.000 đồng.

Tháng 11/2016 âl, kêu giá 300.000 đóng, đóng 200.000 đồng.

Ngày 20/11/2016 âl, khui lần thứ 11, ông H không giao tiền hốt hụi phần hụi 1 và phần hụi 2 nêu trên cho bà nên bà không đóng hụi tiếp theo cho ông H. Nay bà chỉ yêu cầu ông H trả cho bà số tiền vốn đã đóng vào của 10 lần đóng trên với số tiền là 3.060.000 đồng.

Tóm lại, bà A yêu cầu ông H trả cho bà số tiền hốt 02 phần hụi của dây hụi tháng 500.000 đồng, khui ngày 20/02/2016 âl là 6.500.000 đồng + 6.250.000 đồng và số tiền vốn hụi bà đã đóng vào ở phần 3 là 3.060.000 đồng. Tổng cộng là 15.810.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà A xin thay đổi yêu cầu, đối với số tiền hụi sống ở phần hụi thứ 3 của dây hụi tháng 500.000 đồng, bà chỉ yêu cầu ông H trả cho bà là 2.870.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà A cũng yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với:

Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 25/02/2016 âl, có 22 phần, bà A tham gia 01 phần, ông H còn nợ tiền hốt hụi là còn lại 15.100.000 đồng, sau khi trừ 09 lần hụi chết bà chưa đóng là 9.000.000 đồng, bà A yêu cầu ông H trả lại cho bà số tiền là 6.100.000 đồng.

Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, khui ngày 10/4/2015 âl, có 23 phần, bà A tham gia 01 phần, còn nợ lại ông H 03 lần hụi chết với số tiền 3.000.000 đồng, bà A yêu cầu khấu trừ cho ông H.

Dây hụi tháng 500.000 đồng, khui ngày 06/4/2015 âl, có 24 phần, bà A tham gia 01 phần, còn nợ lại H 05 lần hụi chết với số tiền 2.500.000 đồng, bà A yêu cầu khấu trừ cho ông H.

Dây hụi tháng 500.000 đồng, khui ngày 20/02/2016 âl, có 22 phần, bà A tham gia 03 phần, bà A yêu cầu khấu trừ 02 phần:

+ Phần 1: Bà A yêu cầu khấu trừ 10 lần hụi chết cho ông H với số tiền 5.000.000 đồng.

+ Phần 2: Bà A yêu cầu khấu trừ 08 lần hụi chết cho ông H với số tiền 4.000.000 đồng.

Bị đơn ông Huỳnh Văn H (Huỳnh Văn D) trình bày:

Tại Biên bản hòa giải ngày 30/8/2018 và tại phiên tòa, ông H trình bày: Ở dây hụi tháng 500.000 đồng, khui lần đầu ngày 20/02/2016 âl, có 22 phần bà A tham gia 04 phần chứ không phải 03 phần như bà A trình bày.

Phần 1: Bà A đóng hụi sống được 08 lần, khui lần thứ 9, bà A kêu giá bao nhiêu ông không nhớ, bà A hốt được số tiền 6.750.000 đồng, trừ đầu thảo 250.000 đồng, còn lại 6.500.000 đồng. Phần hụi này ông H đã giao tiền hốt hụi cho bà A xong.

Phần 2: Bà A đóng hụi sống được 10 lần, khui lần thứ 11, ông H không nhớ kêu giá bao nhiêu, chỉ nhớ bà A hốt được số tiền 6.800.000 đồng, trừ đầu thảo 250.000 đồng, còn lại 6.550.000 đồng. Phần hụi này ông H đã giao tiền hốt hụi cho bà A xong.

Phần 3: Bà A đóng hụi sống được 11 lần, khui lần thứ 12 bà A hốt, kêu giá giá 300.000 đồng, hốt được số tiền 7.600.000 đồng, trừ đầu thảo 250.000 đồng, còn lại 7.350.000 đồng. Phần hụi này ông H đã giao tiền hốt hụi cho bà A xong. Bà A còn nợ lại 10 lần hụi chết.

Phần 4: Để tên bà 6 H nhưng bà A đứng ra đóng. Phần hụi này bà A cũng đã hốt và ông H đã giao tiền hốt hụi cho bà A xong.

Tại Biên bản đối chất ngày 06/9/2018, ông H trình bày: Dây hụi tháng 500.000 đồng, khui lần đầu ngày 20/02/2016 âl, có những lần khui như sau:

Tháng 02/2016 âl, ông H hốt đầu, kêu giá 200.000 đóng, các hụi viên đóng 300.000 đồng.

Tháng 3/2016 âl, ông 7 S kêu giá 250.000 đóng, các hụi viên đóng 250.000 đồng.

Tháng 4/2016 âl, bà A kêu giá 270.000 đóng, các hụi viên đóng đóng 230.000 đồng.

Tháng 5/2016 âl, ông K kêu giá 300.000 đóng, các hụi viên đóng 200.000 đồng.

Tháng 6/2016 âl, bà H1 kêu giá 200.000 đóng, các hụi viên đóng 300.000 đồng.

Tháng 7/2016 âl, bà M kêu giá 260.000 đóng, các hụi viên đóng 240.000 đồng.

Tháng 8/2016 âl, ông B kêu giá 200.000 đóng, các hụi viên đóng 300.000 đồng.

Tháng 9/2016 âl, bà A kêu giá 250.000 đóng, các hụi viên đóng 250.000 đồng.

Tháng 10/2016 âl, bà C kêu giá 200.000 đóng, các hụi viên đóng 300.000 đồng.

Tháng 11/2016 âl, ông H2 (gia đình ông H) kêu giá 250.000 đóng, các hụi viên đóng 250.000 đồng.

Tháng 12/2016 âl, ông N kêu giá 250.000 đóng, các hụi viên đóng 250.000 đồng.

Tháng 01/2017 âl, bà A kêu giá 300.000 đóng, các hụi viên đóng 200.000 đồng.

Tháng 02/2017 âl, bà M kêu giá 260.000 đóng, các hụi viên đóng 240.000 đồng.

Tháng 03/2017 âl, bà S1 kêu giá 250.000 đóng, các hụi viên đóng 250.000 đồng.

Tháng 4/2017 âl, hụi bể nên còn lại 06 người chưa hốt nên ông H mới kêu bắt thăm một lượt.

Ông H cho rằng đã giao tiền hốt hụi cho bà A đối với 04 phần hụi của dây hụi tháng 500.000 đồng khui ngày 20/02/2016 âl mà bà A tham gia nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà A. Những lần giao tiền hốt hụi, ông H không có làm giấy tờ cho bà A ký nhận, cũng không có người chứng kiến.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn L trình bày tại Bản tự khai ngày 06/7/2018: Đối với dây hụi tháng 500.000 đồng khui ngày 20/02/2016 âl do ông H làm chủ hụi có phần hụi ghi tên "L con dì 5 A" là phần hụi của mẹ ông là bà Nguyễn Thị Ngọc A, do bà A toàn quyền quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ H1 trình bày:

Dây hụi tháng 500.000 đồng khui ngày 20/02/2016 âl, có 22 phần, ban đầu bà H1 tham gia 02 phần nhưng ông H đánh nhầm tên trong danh sách hụi là "L con dì 5 A". Ông H không có đưa danh sách hụi cho bà nên bà cũng không biết ông H ghi phần hụi của bà trong danh sách hụi tên "L con dì 5 A". Đến khi bà H1 đóng hụi sống được lần thứ 10 của phần hụi ghi tên nhầm này thì ông H nói bà H1 mới biết. Do ông H ghi nhầm tên và lúc đó bà H1 cũng về Hậu Giang sống nên bà sang lại cho ông L (con bà A) phần hụi này. Ông L đã ủy quyền cho mẹ tham gia tiếp phần này nên bà A là người đưa tiền sang hụi cho bà là 3.000.000 đồng. 10 lần hụi sống đầu tiên của phần hụi ghi tên "L con dì 5 A" là do bà trực tiếp đóng hụi sống cho ông H chứ không có nhờ bà A đóng. Lúc đóng hụi sống bà H1 không có làm biên nhận với ông H. Hiện nay phần hụi này là của bà A, bà không còn liên quan nữa.

Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Những người làm chứng đều vắng mặt, chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét thấy dây hụi 500.000 đồng, mở ngày 20/02/2016 âl, có 22 người, bà A tham gia 03 phần:

Phần 1: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất bà A đóng hụi sống 08 lần, số tiền bà A đã hốt 6.500.000 đồng, nguyên đơn cho rằng bị đơn H chưa giao tiền hốt hụi, còn bị đơn cho rằng đã giao số tiền hốt hụi cho bà A. Do bị đơn H là chủ hụi, không có giấy tờ gì chứng minh đã giao số tiền 6.500.000 đồng cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu buộc ông H trả số tiền 6.500.000 đồng là có căn cứ.

Phần 2: Bị đơn H thừa nhận bà A có tham gia phần hụi này, bà A đã đóng sống 10 lần, sau khi trừ đầu thảo 250.000 đồng, bà A đã hốt 6.550.000 đồng, đã giao tiền xong cho bà A. Phần hụi này bà A chỉ yêu cầu ông H trả 6.250.000 đồng. Do bị đơn H là chủ hụi, không có giấy tờ gì chứng minh đã giao số tiền hốt hụi cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu buộc ông H trả số tiền 6.250.000 đồng là có căn cứ.

Phần 3: Bị đơn H thừa nhận bà A có tham gia phần hụi này, bà A đã đóng sống 11 lần, số tiền 2.870.000 đồng, sau khi trừ đầu thảo 250.000 đồng, bà A đã hốt được 7.350.000 đồng. Phần hụi này tại phiên tòa hôm nay, bà A chỉ yêu cầu ông H trả vốn đã đóng sống như ông H khai là 2.870.000 đồng chứ không phải số tiền 3.060.000 đồng. Do bị đơn H là chủ hụi, không có giấy tờ gì chứng minh đã giao số tiền hốt hụi cho nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu buộc ông H trả số tiền 2.870.000 đồng là có căn cứ.

Từ phân tích trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị định 144 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng cộng tiền hụi là 15.620.000 đồng, đình chỉ đối với phần nguyên đơn đã rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi là 15.810.000 đồng, nguyên đơn đã đóng tạm ứng án phí 02 lần với số tiền là 395.000 đồng. Tuy mức đóng tạm ứng án phí từng lần có thấp hơn so với quy định mức đóng thấp nhất của khung án phí nhưng số tiền nguyên đơn đóng vẫn đảm bảo 2,5% giá trị tranh chấp nên Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng quy định.

[1.2] Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn L, bà Nguyễn Thị Lệ H1 vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; những người làm chứng gồm bà Nguyễn Diệu H2, ông Võ Văn L, bà Cao Thị B, bà Phạm Thị N, bà Võ Thị C, ông Hồ Văn A, bà Nguyễn Thị Thu V, bà Lý Thị T, bà Nguyễn Thị Q vắng mặt nhưng đều có yêu cầu xét xử vắng mặt và đã cung cấp lời khai trực tiếp với Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại phiên tòa hôm nay.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với:

Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, khui ngày 25/02/2016 âl, có 22 phần, bà A tham gia 01 phần, ông H còn nợ tiền hốt hụi là còn lại 15.100.000 đồng, sau khi trừ 09 lần hụi chết bà chưa đóng là 9.000.000 đồng, bà A yêu cầu ông H trả lại cho bà số tiền là 6.100.000 đồng.

Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, khui ngày 10/4/2015 âl, có 23 phần, bà A tham gia 01 phần, còn nợ lại ông H 03 lần hụi chết với số tiền 3.000.000 đồng, bà A yêu cầu khấu trừ cho ông H.

Dây hụi tháng 500.000 đồng, khui ngày 06/4/2015 âl, có 24 phần, bà A tham gia 01 phần, còn nợ lại ông H 05 lần hụi chết với số tiền 2.500.000 đồng, bà A yêu cầu khấu trừ cho ông H.

Dây hụi tháng 500.000 đồng, khui ngày 20/02/2016 âl, có 22 phần, bà A tham gia 03 phần, bà A yêu cầu khấu trừ 02 phần hụi:

+ Phần 1: Bà A yêu cầu khấu trừ 10 lần hụi chết cho ông H với số tiền 5.000.000 đồng.

+ Phần 2: Bà A yêu cầu khấu trừ 08 lần hụi chết cho ông H với số tiền 4.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu khởi kiện nêu trên là trong phạm vi khởi kiện ban đầu, hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, nhằm có lợi cho bị đơn, từ đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A và bị đơn ông Huỳnh Văn H (Huỳnh Văn D) đã thống nhất có giao dịch Hợp đồng góp hụi với nhau ở dây hụi tháng 500.000 đồng, khui lần đầu ngày 20/02/2016 âl, có 22 phần, tuy nhiên hai bên chưa thống nhất về số nợ. Hợp đồng góp hụi giữa bà A và ông H được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng phía bà A và ông H đều là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa bà A và ông H là hợp pháp.

Đối với số phần hụi bà A tham gia trong dây hụi tháng 500.000 đồng, khui lần đầu ngày 20/02/2016 âl nêu trên, bà A và ông H chưa thống nhất. Bà A cho rằng bà tham gia 03 phần nhưng ông H cho rằng bà A tham gia 04 phần. Nay bà A chỉ yêu cầu giải quyết 03 phần hụi của bà A, ông H không có yêu cầu phản tố đối với phần hụi thứ 4 nên Tòa án chỉ xem xét giải quyết 03 phần hụi của bà A.

[2.2] Về phần hụi thứ nhất (Phần 1): Bà A cho rằng bà đóng hụi sống 08 lần, ngày 20/9/2016 âl, khui lần thứ 09 bà bắt thăm ra số tiền 250.000 đồng, hốt được số tiền 6.750.000 đồng (đã trừ số tiền phần hụi thứ 2 và 3 còn sống mà bà phải đóng cho phần 1), sau khi trừ đầu thảo 250.000 đồng, còn lại 6.500.000 đồng. Tại phiên tòa, ông H thống nhất bà A hốt phần hụi này được số tiền 6.750.000 đồng, trừ đầu thảo 250.000 đồng, còn lại 6.500.000 đồng. Việc bà A và ông H đã thống nhất số tiền hốt hụi trong phần hụi này là 6.500.000 đồng là tình tiết không phải chứng minh, theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà A cho rằng phần hụi này ông H chưa giao tiền hốt hụi còn ông H cho rằng ông H đã giao tiền hốt hụi cho bà A xong nhưng không có làm biên nhận, cũng không có người chứng kiến.

[2.3] Về phần hụi thứ hai (Phần 2): Bà A cho rằng bà đóng hụi sống 10 lần, ngày 20/11/2016 âl, khui lần thứ 11 bà A bắt thăm ra số tiền 300.000 đồng, bà A hốt được số tiền 6.500.000 đồng (đã trừ số tiền hụi phần 1 và phần 3 phải đóng cho phần 2), sau khi trừ đầu thảo 250.000 đồng, còn lại 6.250.000 đồng. Tại Biên bản hòa giải ngày 30/8/2018 và tại phiên tòa, ông H khai bà A hốt được số tiền 6.800.000 đồng, trừ đầu thảo 250.000 đồng, còn lại 6.550.000 đồng. Bà A cho rằng phần hụi này ông H chưa giao tiền hốt hụi còn ông H cho rằng đã giao tiền hốt hụi cho bà A xong nhưng không có làm biên nhận, cũng không có người chứng kiến.

Đối với phần hụi thứ nhất và thứ hai nêu trên, ông H đã thống nhất bà A có hốt hụi, ở phần 1 là 6.500.000 đồng; phần 2 bà A khai là 6.250.000 đồng, ông H khai là 6.550.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông H tham gia hụi với tư cách là đầu thảo, hưởng hoa H

thì có trách nhiệm giao tiền hụi đã hốt cho hụi viên. Ông H thừa nhận bà A có hốt 02 phần hụi trên và đã giao tiền hụi cho hụi viên là bà A nhưng không có giấy tờ gì chứng minh, cũng không có người làm chứng. Nay bà A cho rằng ông H chưa giao tiền hốt hụi, yêu cầu ông H trả lại số tiền hụi đã hốt ở phần 1 là 6.500.000 đồng, phần 2 là 6.250.000 đồng (thay vì ông H khai là 6.550.000 đồng) là có căn cứ, nhằm có lợi cho ông H. Do đó, Hội đồng xét xử cần căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, buộc ông H có trách nhiệm trả cho bà A số tiền nợ hụi đã hốt của 02 phần là 6.500.000 đồng + 6.250.000 đồng = 12.750.000 đồng.

[2.4] Về phần hụi thứ ba (Phần 3): Trong danh sách hụi ghi tên hụi viên là "L con dì 5 A". Bà A, ông H, bà H1, ông L đều thống nhất phần hụi này do bà A chịu trách nhiệm tức là có quyền và nghĩa vụ đối với phần hụi này. Bà A cho rằng bà H1 đã đóng hụi sống được 10 lần với số tiền 3.060.000 đồng nhưng khi sang hụi cho bà A, bà H1 chỉ lấy 3.000.000 đồng. Sau khi nhận phần hụi này từ bà H1, do ông H không giao tiền hốt hụi của 02 phần hụi trên nên bà A không tiếp tục đóng hụi sống cho ông H. Riêng ông H cho rằng phần hụi này từ trước đến giờ do bà A đóng, bà A đóng được 11 lần hụi sống với số tiền là 2.870.000 đồng, đến lần khui thứ 12 thì bà A hốt. Tuy nhiên, ông H không chứng minh được bà A đã hốt hụi, cụ thể không có làm biên nhận giao tiền hụi cho bà A, cũng không có người chứng kiến. Hội đồng xét xử thấy rằng, bà A và ông H đều tự khai số tiền ra hụi của từng lần khui khác nhau, không có giấy tờ chứng minh, các hụi viên cũng không ai nhớ, không ai ghi lại số tiền ra thăm hốt hụi của từng lần. Nay bà A yêu cầu ông H trả lại số tiền hụi sống đã đóng vào theo lời khai của ông H là 2.870.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà A với số tiền bị đơn H đã thừa nhận, nhằm có lợi cho bị đơn. Hội đồng xét xử cần căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, áp dụng Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, buộc ông H có trách nhiệm trả cho bà A số tiền hụi sống đã đóng vào ở phần hụi thứ 3 là 2.870.000 đồng.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Huỳnh Văn H (Huỳnh Văn D) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là (12.750.000 đồng + 2.870.000 đồng) x 5 % = 781.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, các Điều 227, 228, 229, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A về việc yêu cầu Tòa án giải quyết đối với: Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 25/02/2016 âl, ông H còn nợ bà A tiền hốt hụi là 15.100.000 đồng, trừ 09 lần hụi chết bà A chưa đóng là 9.000.000 đồng, bà A yêu cầu ông H trả lại cho bà số tiền là 6.100.000 đồng; Dây hụi tháng 1.000.000 đồng, khui ngày 10/4/2015 âl, bà A còn nợ ông H 03 lần hụi chết với số tiền 3.000.000 đồng, bà A yêu cầu khấu trừ cho ông H; Dây hụi tháng 500.000 đồng, khui ngày 06/4/2015 âl, bà A còn nợ lại H 05 lần hụi chết với số tiền 2.500.000 đồng, bà A yêu cầu khấu trừ cho ông H; Dây hụi tháng 500.000 đồng, khui ngày 20/02/2016 âl, bà A yêu cầu khấu trừ 02 phần hụi: Phần 1: Bà A yêu cầu khấu trừ 10 lần hụi chết cho ông H với số tiền 5.000.000 đồng; Phần 2: Bà A yêu cầu khấu trừ 08 lần hụi chết cho ông H với số tiền 4.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A về việc yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Văn H (Huỳnh Văn D) trả số tiền nợ hụi là 15.620.000 đồng (trong đó tiền nợ hụi hốt là 12.750.000 đồng, tiền nợ hụi sống là 2.870.000 đồng). Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn H (Huỳnh Văn D) trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc A số tiền nợ hụi là 15.620.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ngọc A có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Huỳnh Văn H (Huỳnh Văn D) còn phải trả lãi cho bà Nguyễn Thị Ngọc A theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 781.000 đồng, ông Huỳnh Văn H (Huỳnh Văn D) phải chịu là 781.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Ngọc A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 395.000 đồng từ các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002226 ngày 04/5/2018, số 0002317 ngày 07/6/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a ,7b

và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKS -THA cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh Đa